

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24-4-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hứa Quang Hồng và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phi Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 24/4/2023, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/3/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1994 – có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về quan hệ con chung và tài sản là ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1978 – vắng mặt.

Địa chỉ: Số X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Phạm Thanh H, sinh năm 1992 – vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Thanh H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ngày 26/3/2014 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm và anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên tình cảm vợ

chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện tại, vợ chồng chị đã sống ly thân. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 01 người con chung là cháu Phạm Thị Phương U, sinh ngày 03/9/2014. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cháu U cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu U mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên.

Về tài sản yêu cầu chia:

Trong thời kỳ hôn nhân, giữa chị với anh Phạm Thanh H có tạo lập được một số tài sản chung, cụ thể: 01 xe máy Honda SH, BKS 47L1 - 177.xx, trị giá khoảng 60.000.000 đồng; 01 xe Janus trị giá khoảng 20.000.000 đồng; tiền mặt 80.000.000 đồng; vật dụng quán ăn trị giá 50.000.000 đồng; nợ chưa thu hồi là 70.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản khoảng 280.000.000 đồng.

Sau khi vợ chồng sống ly thân (ngày 01/5/2022), giữa chị với anh Phạm Thanh H đã thống nhất về tài sản chung, công nợ và phân chia, cụ thể: Ngày 23/5/2022, giữa chị với anh Phạm Thanh H đã xác định được trong thời kỳ hôn nhân có tạo lập được những tài sản nêu trên. Anh H đã thừa nhận nợ chung và anh đã lấy số tiền mặt và xe máy Honda SH, trị giá khoảng 210.000.000 đồng và đồng ý giao cho chị xe máy Janus và vật dụng quán ăn trị giá khoảng 70.000.000đ. Anh Phạm Thanh H cam kết khi Tòa án giải quyết xong vụ án, anh Phạm Thanh H có nghĩa vụ trả cho chị số tiền 70.000.000 đồng. Do vậy, yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ công nhận sự thỏa thuận nêu trên của vợ chồng chị. Nếu trong trường hợp anh Phạm Thanh H không đồng ý, yêu cầu phân chia tài sản chung và công nợ theo quy định của pháp luật

Tại đơn thay đổi nội dung khởi kiện đề ngày 30/12/2022, nguyên đơn thay đổi về yêu cầu chia tài sản: Cụ thể, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Hà yêu cầu được chia đôi giá trị tài sản gồm 01 xe máy Honda SH, BKS: 47L1 – 177.xx; 01 xe máy Janus, BKS: 47C1 – 272.yy; tiền mặt: 80.000.000 đồng (hiện toàn bộ các tài sản này đang do bị đơn anh Phạm Thanh H trực tiếp quản lý, sử dụng).

Còn các tài sản khác và công nợ chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H thay đổi về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu U mỗi tháng số tiền 1.490.000 đồng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày có nội dung: Đúng như các yêu cầu, ý kiến của nguyên đơn, không có bổ sung thêm nội dung gì.

Bị đơn anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án

của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H về quan hệ hôn nhân, về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung và chia tài sản khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 29/9/2022, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, đơn đề nghị không hòa giải tại trung tâm hòa giải và các tài liệu chứng cứ kèm theo, ngày 05/10/2022 Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày 07/10/2022 nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và ngày 10/10/2022 nguyên đơn nộp biên lai nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Phạm Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên là phù hợp khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H là hợp pháp, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 26/3/2014. Sau khi kết hôn chị H và anh H sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, do bất đồng quan điểm sống, hiện nay chị H và anh H đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Điều này phù hợp với kết quả xác minh được chính quyền địa phương cung cấp.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Thanh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho chị Nguyễn Thị Thu H ly hôn anh Phạm Thanh H là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị H và anh H có 01 con chung là cháu Phạm Thị Phương U, sinh ngày 03/9/2014; khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên vọng được chăm sóc cháu U của chị H là chính đáng, bản thân cháu U là nữ đang trong giai đoạn phát triển tâm sinh lý nên cần có mẹ chăm sóc, dạy dỗ; mặt khác cháu U cũng có nguyên vọng ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, giao cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu U cho đến khi đủ tuổi thành niên là phù hợp Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền 1.490.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu U; kết quả xác minh tại trường học cho thấy các khoản chi phí học tập của cháu U đều do chị H nộp, anh H không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; do đó, buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu U mỗi tháng số tiền 1.490.000 đồng cho đến khi cháu U đủ tuổi thành niên là phù hợp khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.4] Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn.

[4.4.1] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu chia các tài sản như sau: 01 xe máy Honda SH, BKS: 47L1 – 177.xx, đăng ký xe đứng tên Phạm Thanh H hiện do anh H đang quản lý sử dụng; 01 xe máy Janus, BKS: 47C1 – 272.yy, đăng ký xe đứng tên Phạm Thanh H, quá trình sử dụng anh H đã bán cho người khác; tiền mặt: 80.000.000 đồng anh Phạm Thanh H đang trực tiếp quản lý, sử dụng (theo biên bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng anh H và chị H lập ngày 23/5/2022). Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh H không đến Tòa án làm việc, Tòa án đã tiến hành thu thập mẫu chữ ký của anh H tiến hành giám định. Tại kết luận số 251/KL-KTHS ngày 28/02/2023 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thanh H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thanh H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký và viết ra.

Chị H đề nghị Tòa án giải quyết phân chia cho mỗi bên $\frac{1}{2}$ giá trị các tài sản trên, chị H yêu cầu anh H thanh toán cho chị bằng tiền mặt $\frac{1}{2}$ giá trị các tài sản. Hội đồng xét xử chia giá trị các tài sản trên như sau:

- Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH biển số 47L1 – 177.xx trị giá 40.250.000 đồng. Chia tỉ lệ chị H được hưởng 50% giá trị tương đương số tiền 20.125.000 đồng; anh H được hưởng 50% giá trị tương đương số tiền 20.125.000 đồng. Hiện tại chiếc xe này anh H đang quản lý, sử dụng nên giao tài sản này cho anh H trực tiếp sử dụng và anh H phải thanh toán cho chị H số tiền 20.125.000 đồng là phù hợp.

- Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Janus biển số 47C1 – 272.yy trị giá 14.000.000 đồng. Chia tỉ lệ chị H được hưởng 50% giá trị tương đương số tiền 7.000.000 đồng; anh H được hưởng 50% giá trị tương đương số tiền 7.000.000 đồng. Chiếc xe máy này theo văn bản thỏa thuận chia tài sản chung xác lập ngày 23/5/2022. Vì anh H đã bán chiếc xe cho người khác nên anh H phải thanh toán cho chị H số tiền 7.000.000 đồng là phù hợp.

- Đối với số tiền 80.000.000 đồng chia mỗi người hưởng 1/2. Chị H được hưởng 40.000.000 đồng, anh H được hưởng 40.000.000 đồng. Do anh H đang quản lý, sử dụng số tiền nên anh H phải thanh toán cho chị H số tiền 40.000.000 đồng.

Buộc anh H thanh toán cho chị H tổng số tiền là 67.125.000 đồng (*Sáu mươi bảy triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) là phù hợp các Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 213 Bộ luật Dân sự.

[4.4.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn chị H về việc yêu cầu chia các tài sản là: Vật dụng quán ăn trị giá 50.000.000 đồng; Nợ chưa thu hồi là 70.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, chị H đã rút phần yêu cầu khởi kiện này nên Hội đồng xét xử đình chỉ không xem xét giải quyết là phù hợp với Điều 5; khoản 4 Điều 70; khoản 2 Điều 71; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về công nợ chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng:

[7.1] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; đồng thời chị H đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng với số tiền 2.000.000 đồng và đã chi phí hết.

Xét yêu cầu của chị H là có căn cứ, được chấp nhận và đây là chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản liên quan đến yêu cầu chia tài sản chung nên nguyên đơn chị H và bị đơn anh H, mỗi người phải chịu tiền chi phí thẩm định, định giá tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản được hưởng, cụ thể: Chị H phải chịu 1.000.000 đồng; anh H phải chịu 1.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 1.000.000 đồng sau khi thu được của anh H là phù hợp với các Điều 157, 158, 164 và 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7.2] Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn. Kết luận giám định chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên nguyên đơn chị H không phải chịu chi phí giám định. Anh H phải chịu toàn bộ chi phí giám định với số tiền là 5.700.000 đồng. Hoàn trả lại cho chị H số tiền 5.700.000 đồng sau khi thu được từ anh H là phù hợp với các Điều 161, 162 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 3.356.300 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 3.800.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 00018201 ngày 07/10/2022 của Chi cục

Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ. Hoàn trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 443.700 đồng.

Bị đơn anh Phạm Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung và 3.356.300 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 4 Điều 70; khoản 2 Điều 71; Điều 144; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 164; Điều 165; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 213 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 33, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Phạm Thanh H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Thị Phương U, sinh ngày 03/9/2014 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Phạm Thị Phương U, sinh ngày 03/9/2014 mỗi tháng số tiền 1.490.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu U đủ tuổi thành niên.

4. Về tài sản:

4.1. Giao cho anh H được quyền sở hữu và trực tiếp sử dụng 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH biển số 47L1 – 177.xx.

4.4. Anh Phạm Thanh H phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền tương ứng trị giá tài sản được chia là 67.125.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn chị H về việc yêu cầu chia các tài sản là: Vật dụng quán ăn trị giá 50.000.000 đồng; Nợ chưa thu hồi là 70.000.000 đồng. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Hà có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

6. Về công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

7. Về chi phí tố tụng:

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 1.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; bị đơn anh Phạm Thanh H phải chịu 1.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 1.000.000 đồng sau khi thu được của anh H.

Về chi phí giám định chữ ký: Bị đơn anh Phạm Thanh H phải chịu 5.700.000 đồng. Hoàn trả lại cho chị H số tiền 5.700.000 đồng sau khi thu được từ anh H.

8. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 3.356.300 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 3.800.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 00018201 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ. Hoàn trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 443.700 đồng.

Bị đơn anh Phạm Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung và 3.356.300 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung.

9. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã B;
- UBND phường Đ;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Văn Khanh